

-(으)ㄴ/는 김에

nhân tiện, tiện thể đang làm

Thêm một việc thứ hai vào việc bạn vốn đang làm. Hành động thứ nhất là lý do thực sự bạn ở đó; hành động thứ hai là tranh thủ cơ hội.

Cách kết hợp

Trường hợp	Dạng	Ví dụ
Hành động sắp diễn ra	-는 김에	가다 → 가는 김에
Hành động đã xong	-(으)ㄴ 김에	오다 → 온 김에
Kết thúc bằng ㄴ	≡ bị lược	만들다 → 만드는 김에
Nhờ vả	-는 김에 + lời nhờ	나가는 김에 부쳐 주세요
Tính từ	không thể	좋은 김에 không dùng được
Hành động ngang nhau dùng	-고, -(으)면서	둘 다 계획했다면 -고

Khi nào dùng

Dùng -는 김에 khi hành động thứ nhất sắp diễn ra hoặc đang diễn ra, và -(으)ㄴ 김에 khi nó đã xong: 시내에 가는 김에 (nhân tiện đi ra phố) so với 여기까지 온 김에 (đã đến tận đây rồi thì tiện thể). Gốc từ có ㄴ thì bỏ ㄴ.

Nó chỉ đi với động từ hành động — phải có một dịp để tranh thủ. Tính từ không tạo ra dịp như vậy.

Logic quan trọng hơn hình thức. Hai hành động không thể quan trọng ngang nhau: hành động thứ nhất là mục đích thực sự, còn hành động thứ hai được thêm vào vì có cơ hội. Nếu bạn định làm cả hai ngay từ đầu, thì đây là cấu trúc sai.

Đây cũng là cách lịch sự để nhờ vả, vì nó thể hiện lời nhờ như không gây thêm phiền phức: 나가는 김에 이것 좀 부쳐 주세요.

Ví dụ trong câu

- 1

시내에 가는 김에 은행에도 들리게요.
Nhân tiện ra phố, tôi ghé ngân hàng luôn.
- 2

여기까지 온 김에 커피 한잔 하고 가요.
Đã đến tận đây rồi, uống cà phê rồi hãy đi.
- 3

나가는 김에 이것 좀 부쳐 주시겠어요?
Nhân tiện bạn ra ngoài, gửi giúp tôi cái này được không?
- 4

저녁을 만드는 김에 내일 것도 준비했어요.
Nhân tiện nấu bữa tối, tôi chuẩn bị luôn cho ngày mai.
- 5

청소하는 김에 창문도 닦았어요.
Nhân tiện dọn dẹp, tôi lau luôn cửa sổ.
- 6

말이 나온 김에 이야기를 좀 더 해 볼까요?
Nhân tiện nhắc đến chuyện đó, mình nói thêm một chút nhé?

So sánh với

-(으)면서

- (으)면서 có hai hành động diễn ra cùng lúc với tầm quan trọng ngang nhau. -는 김에 đặt hành động thứ hai lệ thuộc vào hành động thứ nhất như một việc làm thêm.

청소하면서 음악을 들었어요. (vừa dọn vừa nghe) / 청소하는 김에 창문도 닦았어요. (tiện thể lau luôn)

-는 동안

-는 동안 đánh dấu một khoảng thời gian trong đó việc khác xảy ra, có thể do người khác làm. -는 김에 là tận dụng cơ hội do chính bạn tạo ra.

제가 청소하는 동안 동생은 잤어요. (trong lúc đó) / 청소하는 김에 정리도 했어요. (tiện thể)

-고

Nếu cả hai hành động đều được lên kế hoạch từ đầu, chúng chỉ là nối tiếp nhau và dùng -고. 김에 đòi hỏi hành động thứ hai không nằm trong dự định.

은행에 가고 시장에도 갔어요. (cả hai đều dự định) / 은행에 간 김에 시장에도 들렀어요. (đi ngân hàng trước, tiện ghé chợ)

Lưu ý

- X

날씨가 좋은 김에 산책했어요.
- O

날씨가 좋아서 산책했어요.
김에 cần một hành động để tranh thủ. Tính từ mô tả trạng thái, không phải một dịp.
- X

저녁을 만들는 김에 내일 것도 했어요.
- O

저녁을 만드는 김에 내일 것도 했어요.
Gốc từ kết thúc bằng ㄴ bỏ ㄴ trước -는, như mọi nơi trong hệ thống định ngữ.
- X

은행하고 시장에 가는 김에 둘 다 갔어요.
- O

은행에 간 김에 시장에도 들렀어요.
Hành động thứ hai phải là việc thêm ngoài dự định. Nếu cả hai đều là mục đích của chuyến đi, hãy dùng -고.